

ĐÁNH GIÁ THÓI QUEN SỬ DỤNG TÚI NILON TRONG HOẠT ĐỘNG SINH HOẠT TẠI CÁC HỘ GIA ĐÌNH KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Hà Linh, Lê Văn Sơn

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá thói quen sử dụng túi nilon của người dân khu vực thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất được một số giải pháp giúp hạn chế sử dụng túi nilon trong hoạt động sinh hoạt tại các hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra: Nguồn phát sinh túi nilon trong hoạt động sinh hoạt chủ yếu từ nhu cầu đựng thực phẩm và đựng rác thải của người dân, mức phát thải túi nilon theo khu vực tập trung cao nhất tại quận Hà Đông và Thanh Xuân. Các hộ kinh doanh là nhóm đối tượng có mức phát thải túi nilon lớn nhất, các hộ gia đình có số nhân khẩu nhỏ có hệ số thải túi nilon cao hơn các hộ đông nhân khẩu. Nghiên cứu cũng đánh giá được nhận thức, thói quen của người dân về việc sử dụng túi nilon, từ đó phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc giảm thiểu sử dụng túi nilon tại thành phố Hà Nội. Để giảm thiểu phát thải túi nilon, nghiên cứu đã chỉ ra 2 nhóm giải pháp cần tập trung bao gồm giải pháp về chính sách và truyền thông.

Từ khóa: Túi nilon; Chất thải rắn sinh hoạt; Hà Nội.

Abstract

Analyzing the habits of the use of single - use plastic bags in the household in Hanoi city

This research was conducted to evaluate people's habit of using plastic bags in Hanoi city and propose some solutions to help limit the use of plastic bags in the daily lives of households. The results show that: The city residents widely used plastic bags in their daily activities to store food and waste. The emission of plastic bags is the highest in Ha Dong and Thanh Xuan districts. Business households are responsible for most single - use plastic bags and families with a small number of people have more plastic bags than households with a large number of people. The research also assesses people's comprehension and habits about using plastic bags, therefore analyzing strengths, weaknesses, opportunities and challenges in reducing plastic bags in Hanoi. Research has shown two groups of solutions to reduce plastic bag emissions to focus on, including policy and communication solutions.

Keywords: Plastic bags; Domestic waste; Hanoi.

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam việc sử dụng túi nilon trong hoạt động sinh hoạt đã trở nên vô cùng phổ biến tại các hộ gia đình. Theo báo cáo ngành nhựa năm 2019 cho thấy tỷ

lệ tiêu thụ chất dẻo bình quân đầu người ở Việt Nam tăng nhanh từ 3,8 kg/người năm 1990 lên 63 kg/người năm 2017, tốc độ tăng trung bình 10,6 %/năm [3]. Tuy nhiên, trên thực tế, con số này thay đổi

tùy theo từng địa phương và hiện vẫn có xu hướng gia tăng. Việc sử dụng túi nilon thiếu kiểm soát đã và đang khiến cho vấn đề ô nhiễm chất thải nhựa và túi nilon trở thành vấn nạn đáng báo động.

Hiện nay, túi nilon có nhiều loại trên thị trường Việt Nam và được bán với giá khoảng 25,000 - 50,000 đồng/kg. Mặc dù thuế bảo vệ môi trường đã được áp dụng đối với túi nilon tại Việt Nam tuy nhiên việc đánh thuế như hiện nay chưa làm thay đổi thói quen của người tiêu dùng.

Thành phố Hà Nội là đô thị loại đặc biệt. Thành phố Hà Nội hiện có 12 quận, 1 thị xã và 17 huyện. Với diện tích 335,984 km² và dân số 8.246,5 nghìn người [5], khối lượng chất thải rắn sinh hoạt nói chung và lượng túi nilon phát thải nói riêng cũng đang là vấn đề đáng quan tâm của các cơ quan quản lý môi trường của thành phố. Thành phố Hà Nội đã lập quy hoạch xử lý chất thải rắn (CTR) thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phân vùng xử lý CTR trên địa bàn thành phố theo 3 vùng: Vùng I - Khu vực phía Bắc: Bao gồm khu vực nội đô lịch sử, các quận (Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm, Long Biên và một phần huyện Thanh Trì), các huyện (Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn); Vùng II - Khu vực phía Nam: Bao gồm một phần huyện Thanh Trì, một phần quận Hà Đông, các huyện (Phú Xuyên, Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức); Vùng III - Khu vực phía Tây: Bao gồm một phần quận Hà Đông, các huyện (Đan Phượng, Hoài Đức, Phúc Thọ, Quốc Oai, Ba Vì, Thạch Thất, Chương Mỹ), nội và ngoại thị xã Sơn Tây.

Đã có nhiều nghiên cứu về chất thải nhựa nói chung và túi nilon nói riêng

được thực hiện tại Việt Nam như nghiên cứu của Tổ chức Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) năm 2020 về khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam, nghiên cứu đã đánh giá, phân tích hiện trạng chính sách và thực tiễn quản lý CTR và chất thải nhựa hiện nay tại Việt Nam, thu thập thông tin từ 10 tỉnh thành và điều tra cơ bản về tình hình phát sinh chất thải nhựa tại 5 tỉnh/ thành phố trong năm 2019 - 2020 tại Việt Nam. Ngoài ra năm 2021 WWF cũng đã tiến hành khảo sát “Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến tiêu dùng bao bì từ nhựa dùng một lần tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM)”. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các đơn vị chế biến, kinh doanh thực phẩm tại Hà Nội và TP. HCM đều sử dụng bao bì và sản phẩm nhựa dùng một lần. Trong đó phổ biến nhất là túi nilon (chiếm 94,4 %) kế đến là màng bọc thực phẩm, gang tay nilon (Chiếm 83,3 %), còn lại là các sản phẩm cốc, ống hút và đĩa thìa nhựa.

Một số các nghiên cứu khác như tác giả Hoài Linh (2021), “Thực trạng sử dụng túi ni lông hiện nay ở Việt Nam”, Báo Bao bì xanh; Tác giả Phạm Thanh Nhân và cộng sự (2021). Quản lý và nhận thức của người dân về chất thải nhôm, nhựa trong sinh hoạt hộ gia đình tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2021: 190 - 198,...

Các nghiên cứu trên đã đánh giá được việc phát thải nhựa của một số đơn vị kinh doanh và người dân tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào cụ thể về túi nilon trong hoạt động sinh hoạt tại thành phố Hà Nội. Chính vì vậy nghiên cứu “Đánh giá thói quen sử dụng túi nilon trong hoạt động sinh hoạt tại các hộ gia đình khu vực

Nghiên cứu

thành phố Hà Nội” được thực hiện nhằm đánh giá thói quen sử dụng túi nilon của người dân khu vực thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất được một số giải pháp giúp hạn chế sử dụng túi nilon trong hoạt động sinh hoạt tại các hộ gia đình.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là túi nilon sử dụng tại hộ gia đình với phạm vi nghiên cứu được thực hiện tại 4 quận nội thành bao gồm: quận Hà Đông, quận Đống Đa, quận Bắc Từ Liêm, quận Thanh Xuân và 2 huyện ngoại thành bao gồm huyện Đan Phượng, huyện Hoài Đức để tiến hành nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là túi nilon sử dụng tại hộ gia đình với phạm vi nghiên cứu được thực hiện tại 4 quận nội thành và 2 huyện ngoại thành. Với mục đích có được kết quả khách quan để so sánh, đánh giá giữa khu vực nội và ngoại thành, tác giả lựa chọn: Quận Thanh Xuân và quận Đống Đa thuộc 2 trong số các quận khu vực trung tâm; Quận Bắc Từ Liêm, quận Hà Đông thuộc 2 trong số các quận có tiếp giáp với khu vực ngoại thành và lựa chọn ngẫu nhiên 2 huyện ngoại thành bao gồm huyện Đan Phượng, huyện Hoài Đức.

2.1. Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp thu thập thông tin, tài liệu để thu thập các dữ liệu cần thiết từ các đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học, báo cáo của các tổ chức phi chính phủ,... Việc thu thập đầy đủ các tài liệu không chỉ là cơ sở lý luận mà còn góp phần giúp so sánh, đánh giá về thói quen sử dụng, lượng phát thải của người dân dựa trên các nghiên cứu đã có.

Trong nghiên cứu này các thông tin, tài liệu đã được thu thập bao gồm:

+ Tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

+ Thu thập thông tin về địa bàn nghiên cứu: tài liệu địa phương, bản đồ hành chính, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội,...

+ Thu thập thông tin, số liệu, tài liệu liên quan đến hiện trạng quản lý rác thải nhựa, rác thải nilon tại thành phố Hà Nội; thông tin từ các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến rác thải nhựa mà thành phố Hà Nội đang thực hiện.

2.2. Phương pháp điều tra xã hội học

Phương pháp điều tra xã hội học được thực hiện nhằm đánh giá được hiện trạng phát sinh rác thải sinh hoạt và rác thải túi nilon, đánh giá nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường và thói quen sử dụng túi nilon.

Nghiên cứu tập trung điều tra các đối tượng đại diện hộ gia đình có độ tuổi từ 18 đến 60 tuổi, không phân biệt giới tính nam, nữ, tập trung ở 2 huyện ngoại thành và 4 quận nội thành của thành phố Hà Nội. Tiến hành điều tra theo hình thức lấy mẫu ngẫu nhiên. Tại mỗi quận/huyện tiến hành điều tra 28 phiếu.

Tổng số mẫu điều tra được xác định dựa vào công thức:

$$n = \frac{N}{1+N \times e^2} \quad (\text{Glover, 2003}) [4]$$

Trong đó n là số lượng phiếu điều tra; N là số hộ dân của khu vực nghiên cứu tại thời điểm điều tra; e là mức sai số chấp nhận (e = 0,05 - 0,1).

Với cỡ mẫu với sai số cho phép là $\pm 7\%$ Độ tin cậy là 95 %, cỡ mẫu cần thiết là 168 mẫu.

Các mẫu được phỏng vấn theo hình thức online, với 40 câu hỏi bao gồm các trường thông tin cá nhân, các nhóm câu hỏi về hành vi tiêu dùng và các nhóm câu hỏi về nhận thức của đối tượng về tác hại của việc sử dụng túi nilon.

2.3. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Phương pháp xử lý số liệu bao gồm việc sử dụng các công cụ và phương pháp khoa học để phân tích dữ liệu thu thập từ đó giải thích ý nghĩa của dữ liệu thống kê và tìm được thông tin cần thiết, phần mềm Excel đã được sử dụng để xử lý dữ liệu trong nghiên cứu này cụ thể:

- Các thông tin cá nhân của đối tượng tham gia phỏng vấn được lập thành bảng.
- Các số liệu thu thập được sẽ tổng hợp thành bảng biểu, khối lượng, giá trị trung

bình,... để đánh giá được nhận thức và hành vi người tiêu dùng đến dòng thải (lượng túi nilon phát sinh) tại địa bàn nghiên cứu.

- Tổng hợp một số ý kiến và kiến nghị của người tham gia phỏng vấn để xây dựng biện pháp giảm thiểu việc sử dụng túi nilon.

- Đánh giá mối tương quan giữa các yếu tố với nhận thức của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.4. Phương pháp SWOT

SWOT là viết tắt của 4 từ Tiếng Anh: Strengths (Thế mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội) và Threats (Thách thức). Bằng cách sử dụng phương pháp SWOT, nghiên cứu đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu và cơ hội, thách thức trong việc giảm phát thải túi nilon tại địa bàn nghiên cứu.

Bảng 1. Phân tích phương pháp SWOT áp dụng trong khu vực nghiên cứu

S (Strengths - Điểm mạnh) <ul style="list-style-type: none">- Đã có quy định kế hoạch phòng, chống rác thải nhựa và túi nilon đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;- Hoạt động truyền thông đã được thực hiện;- Đã có quy định tính phí bảo vệ môi trường đối với túi nilon.	W (Weakness - Điểm yếu) <ul style="list-style-type: none">- Thói quen của người dân;- Chưa có sản phẩm thay thế phù hợp;- Công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả.
O (Opportunities - Cơ hội) <ul style="list-style-type: none">- Đã có quy định về phân loại CTRSH tại hộ gia đình;- Người dân đã có hiểu biết về tác hại của túi nilon;- Tính phí khi sử dụng túi nilon.	T (Threats - Thách thức) <ul style="list-style-type: none">- Nâng cao ý thức và thay đổi thói quen của người dân;- Tạo ra sản phẩm thay thế.

Từ những tài liệu, số liệu có sẵn và kết quả từ việc sử dụng phiếu điều tra đã được xử lý để tiến hành phân tích. Từ đó

đưa ra những đánh giá, kết luận chính xác phục vụ cho nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hiện trạng sử dụng túi nilon của người dân thành phố Hà Nội

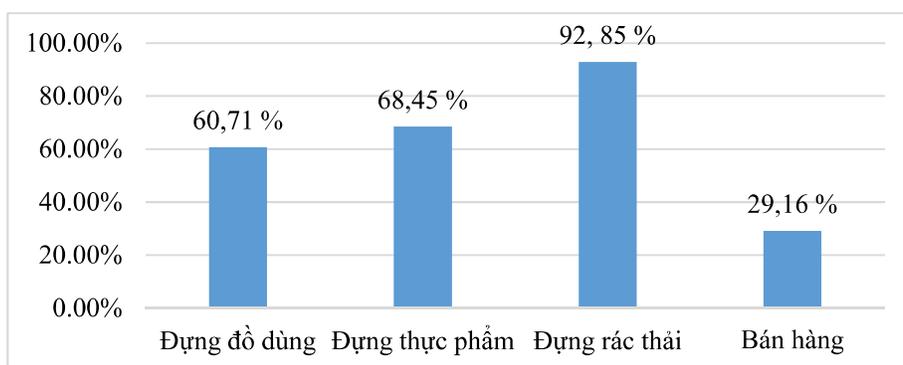
3.1.1. Nguồn phát sinh túi nilon

Túi nilon vẫn luôn là sản phẩm được ưa chuộng đối với người tiêu dùng, vì sự tiện lợi cũng như giá thành rẻ. Túi nilon được thải bỏ và sử dụng với nhiều hoạt động và mục đích khác nhau. Tuy nhiên, theo số liệu đã khảo sát, túi nilon được sử dụng và thải bỏ từ các hoạt động kinh doanh và từ các mua sắm, tiêu dùng hàng hóa thiết yếu hằng ngày của người dân.

Kết quả điều tra cho thấy các loại túi nilon được sử dụng và phát thải ở các hộ

gia đình được khảo sát là loại túi nilon mỏng hai quai, được làm từ chất liệu HDPE, túi có độ bóng, kém mềm dẻo và thường phát ra tiếng sột xoạt khi sử dụng, túi có thể đựng được từ 1 - 5 kg, với các màu sắc khác nhau như màu vàng, hồng, xanh, trắng,... đây là loại túi khá phổ biến và được người dân sử dụng cũng như thải bỏ nhiều nhất. Nguyên nhân được chỉ ra là do sự tiện dụng của loại túi này, giá thành rẻ và nhất là thường được sử dụng để đựng thực phẩm.

Kết quả về mục đích sử dụng túi nilon cụ thể được trình bày trong Hình 1 như sau:



Hình 1: Tỷ lệ mục đích sử dụng túi nilon của người dân

Người dân tái sử dụng túi nilon với nhiều mục đích, trong đó mục đích đựng rác thải chiếm tỉ lệ cao nhất 92,85 % và có tới 68,45 % người dân sử dụng túi nilon để đựng thực phẩm - đây là một thói quen gây tác động xấu và ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của người dân. Theo khảo sát, túi nilon được tái sử dụng chủ yếu để đựng rác thải do sau khi sử dụng, túi đã bị bẩn không thể tái sử dụng để đựng thực phẩm hay đựng đồ dùng. Bên cạnh đó, tuy chỉ có 29,16 % người dân dùng túi nilon để bán hàng, nhưng hầu hết người bán đều tặng kèm túi nilon để đựng hàng hóa cho

khách hàng, điều này cũng gây ảnh hưởng rất lớn đến thói quen sử dụng túi nilon của người tiêu dùng.

Sau khi sử dụng, túi nilon tại các hộ gia đình sẽ được thải bỏ cùng các loại chất thải rắn sinh hoạt khác. Điều đáng lưu ý là có 52,10 % người dân không phân loại chất thải rắn trước khi thải bỏ và 47,90 % còn lại có tiến hành phân loại nhưng chỉ phân loại sơ bộ các loại CTR có khả năng tái chế như bìa carton, vỏ lon,... do vậy túi nilon thường được thải bỏ chung cùng các loại loại CTR hữu cơ và các chất thải khác.

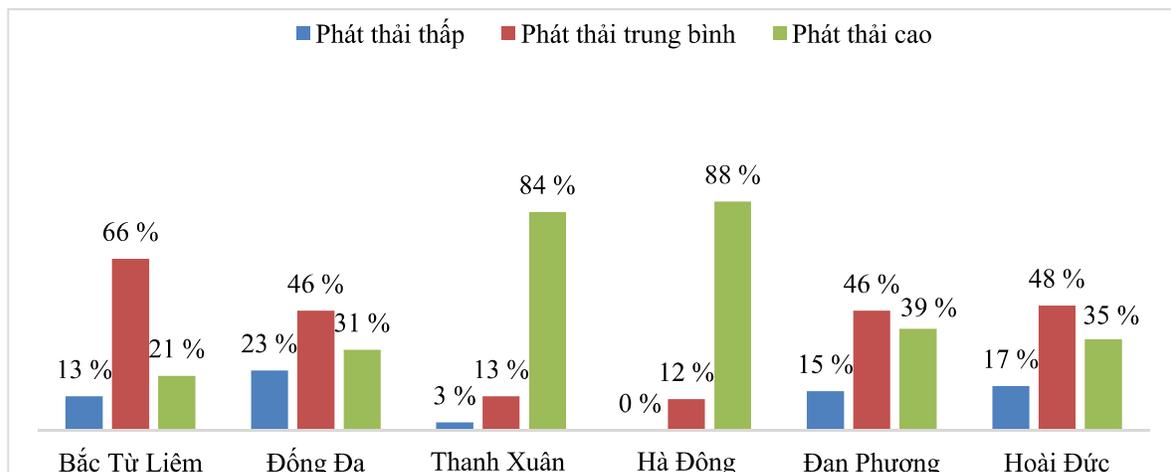
3.1.2. Lượng túi nilon phát sinh

Theo phương pháp đã được thực hiện tại các nghiên cứu như: Nghiên cứu nhận thức về hành vi sử dụng túi nilon của người dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ của nhóm tác giả Nguyễn Quốc Nghi, Lê Thị Diệu Hiền, Khru Ngọc Huyền năm 2014; Nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Mai Thảo và cộng sự về đánh giá nhận thức và hành vi của người tiêu dùng liên quan đến phát sinh rác thải nhựa tại Thành phố Hà Nội năm 2021, trong nghiên cứu này để đánh giá được số lượng túi nilon phát sinh, tác giả đã thực hiện phỏng vấn

về số lượng túi nilon thải ra trong 1 ngày với các hộ gia đình.

Quá trình phỏng vấn thử tiến hành điều tra ngẫu nhiên 15 cá nhân cho thấy mức phát thải tập trung ở 3 mức chính trong khoảng từ 1 - 3 túi/ngày; 3 - 5 túi/ngày và trên 5 túi/ngày do vậy trong kết quả nghiên cứu, tác giả chia thành 3 mức độ thải: phát thải thấp từ 1 - 3 túi/ngày, phát thải trung bình từ 3 - 5 túi/ngày và phát thải cao là trên 5 túi/ngày.

Lượng phát thải túi nilon tại các hộ gia đình ở các quận, huyện trong khu vực nghiên cứu được tổng hợp trong biểu đồ sau:



Hình 2: Biểu đồ đánh giá mức độ phát thải túi nilon theo khu vực sinh sống

Dựa vào bảng đánh giá phát thải người dân đã tham gia khảo sát theo khu vực, có thể thấy tỷ lệ phát thải cao (trên 5 túi/ngày/hộ) đang tập trung tại 2 khu vực là quận Thanh Xuân và quận Hà Đông, chiếm tỷ lệ lần lượt là 84 % và 88 %. Các quận còn lại có mức phát thải trung bình (từ 3 đến 5 túi/ngày/hộ) chiếm tỷ lệ cao nhất.

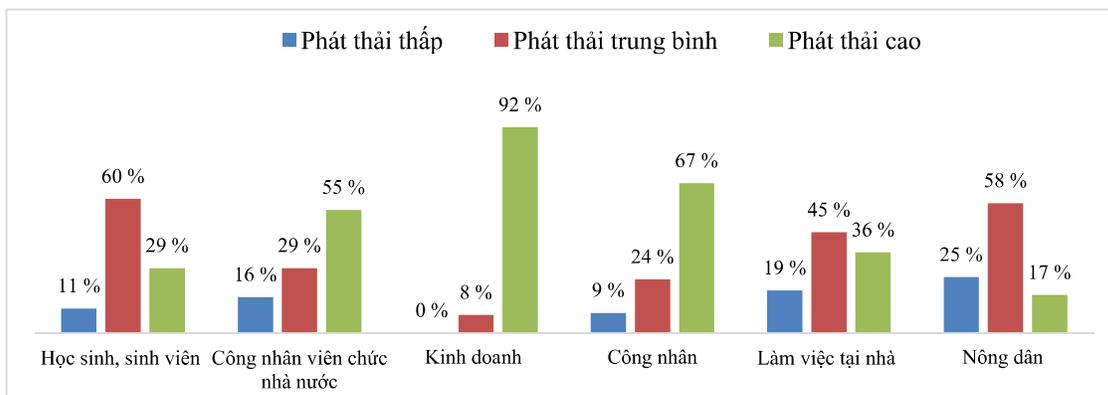
Theo công bố của WWF trong nghiên cứu khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam nghiên cứu sâu tại

4 tỉnh bao gồm: Kiên Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh cho thấy năm 2019 các hộ gia đình thải bỏ từ 2 - 4 túi nilon/ngày chiếm tỷ lệ lớn nhất. Còn kết quả của nghiên cứu cho thấy mức phát thải tại thành Phố Hà Nội chiếm tỷ lệ lớn nhất từ 3 - 5 túi/ngày. Cũng theo số liệu phỏng vấn cho thấy lượng túi nilon cuối tuần, ngày nghỉ lễ và giáp tết có xu hướng cao hơn các ngày trong tuần. Nguyên nhân được chỉ ra: do các thành viên trong gia đình được nghỉ làm/ngỉ học, nên thường đi

Nghiên cứu

mua sắm, tổ chức tụ họp gia đình hoặc chuẩn bị sẵn đồ ăn cho các ngày trong tuần dẫn tới số lượng túi nilon thải bỏ cao hơn.

Ngoài ra nghiên cứu còn đánh giá mức độ phát thải túi nilon theo ngành nghề, thu nhập và nhân khẩu trong gia đình, cụ thể như sau:

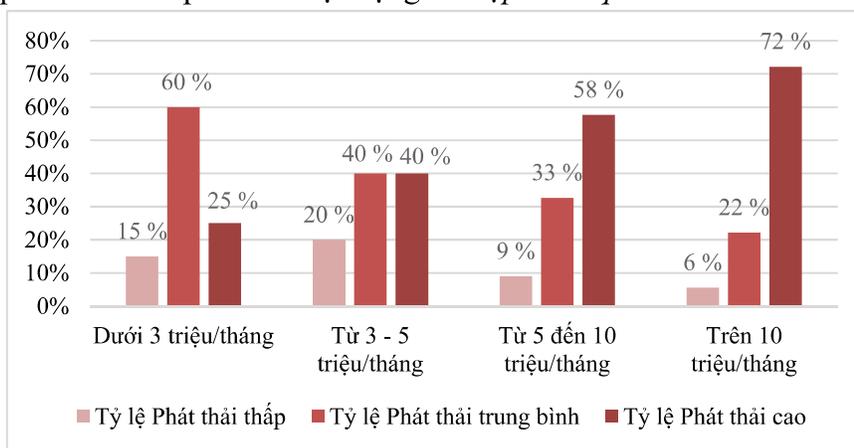


Hình 3: Biểu đồ đánh giá mức độ phát thải túi nilon theo ngành nghề

Các hộ gia đình kinh doanh thường có mức phát thải cao hơn so với các ngành nghề khác, nguyên nhân: Hoạt động mua bán thường sử dụng túi nilon để đựng, chứa hàng hóa, do vậy lượng túi nilon thải bỏ không phải chỉ xuất phát từ hoạt động

sinh hoạt mà còn từ hoạt động kinh doanh nên số lượng túi phát thải trung bình/ngày luôn ở mức cao.

+ *Phát thải túi nilon theo mức thu nhập bình quân:*



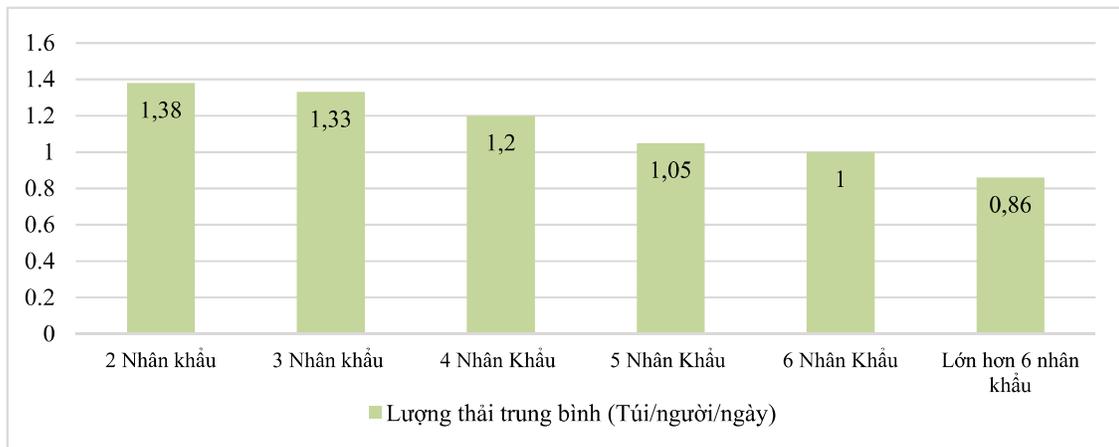
Hình 4: Biểu đồ đánh giá phát thải người dân đã tham gia khảo sát theo mức thu nhập

Theo kết quả khảo sát cho thấy thu nhập trung bình càng cao thì mức phát thải càng lớn. Cụ thể với mức thu nhập dưới 3 triệu/tháng tỷ lệ phát thải ở mức cao chỉ chiếm 25 % trong khi với mức thu nhập 10 triệu/tháng tỷ lệ này là 72 %. Lý giải cho tỷ lệ phát thải túi nilon tăng theo thu nhập bình quân là do các hộ gia

đình có thu nhập bình quân cao thường có xu hướng mua sắm, tiêu dùng nhiều hơn do vậy lượng túi nilon phát sinh theo xu hướng tiêu dùng này.

+ *Phát thải túi nilon theo quy mô nhân khẩu từng hộ gia đình:*

Kết quả thu được như sau:



Hình 5: Biểu đồ đánh giá phát thải người dân đã tham gia khảo sát theo số nhân khẩu

Theo kết quả thu được cho thấy số nhân khẩu trong một gia đình càng ít thì hệ số phát thải túi nilon/người/ngày càng cao (Hình 5). Lượng phát thải trung bình túi nilon của hộ gia đình có 2 người theo khảo sát là nhiều nhất (1,38 túi/người/ngày). Hộ trên 6 người hiện nay phát thải ít nhất (0,86 túi/người/ngày). Nguyên nhân có sự chênh lệch này là do nguồn phát sinh túi nilon chủ yếu là từ hoạt động mua bán thực phẩm trong ngày, với hộ gia đình ít hay đông người thì các loại thực phẩm vẫn được chia thành các túi khác nhau do vậy nếu tính tổng số túi phát sinh thì hộ ít người sẽ có lượng thải trung bình cao hơn so với các hộ gia đình đông người.

3.2. Đánh giá nhận thức, thói quen của người dân và cơ hội giảm phát thải túi nilon trong hoạt động sinh hoạt

3.2.1. Đánh giá nhận thức, thói quen của người dân về việc sử dụng túi nilon

Để đánh giá nhận thức của người dân về tác hại của việc sử dụng túi nilon nghiên cứu đã đưa ra các câu hỏi như: Việc tái chế rác thải có cần thiết hay không? Túi

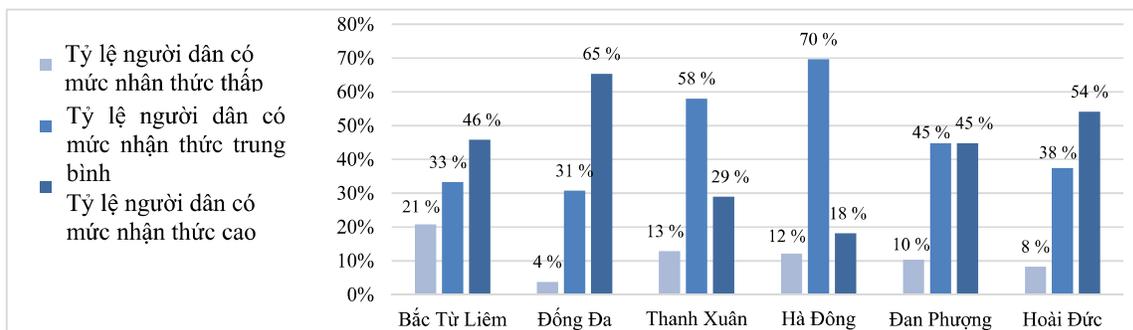
nilon là vấn đề môi trường nghiêm trọng không? Tác động chính của túi nilon đến môi trường là gì? Nguyên nhân chính dẫn đến việc ô nhiễm môi trường do túi nilon? Mức độ sử dụng túi nilon ở Việt Nam, thời gian phân hủy túi nilon,... Bằng việc sử dụng 7 câu hỏi và cho trọng số đối với câu hỏi khó. Tổng điểm tối đa của 7 câu hỏi là 100 điểm. Nhóm tác giả phân loại mức độ nhận thức của dân theo thang điểm 100. Câu trả lời từ 0 - 30 điểm được đánh giá ở mức nhận thức thấp, câu trả lời từ 31 - 70 điểm được đánh giá ở mức nhận thức trung bình. Câu trả lời từ 71 - 100 điểm được đánh giá ở mức nhận thức tốt.

Kết quả nghiên cứu thu được tỉ lệ nhận thức của người dân về ảnh hưởng của túi nilon đến môi trường được thể hiện cụ thể ở biểu đồ sau:

Đánh giá nhận thức theo các quận:

Trong số 168 người tham gia khảo sát có 23 người được khảo sát nhận thức thấp, 95 người được khảo sát thức trung bình và 50 người được khảo sát nhận thức tốt

Nghiên cứu

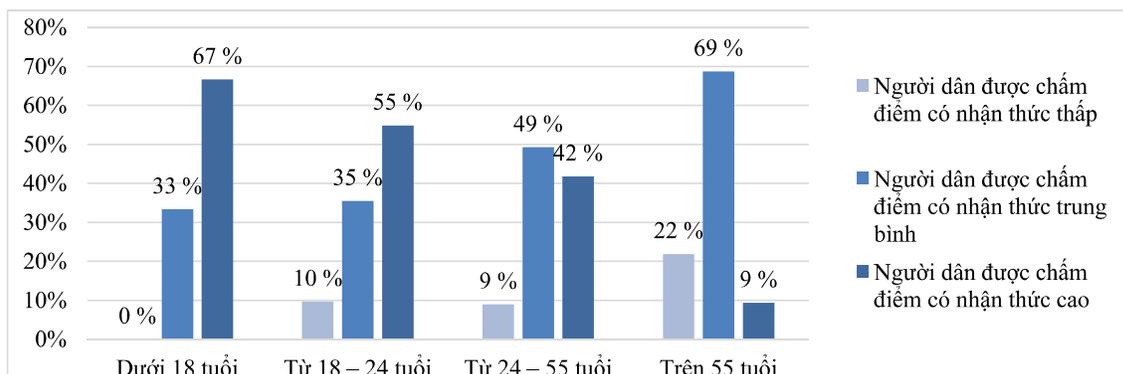


Hình 6: Biểu đồ đánh giá nhận thức người dân đã tham gia khảo sát theo khu vực

Kết quả cho thấy nhận thức của người dân 2 quận có lượng phát thải cao là Thanh Xuân và Hà Đông vẫn còn ở mức trung bình. Trong số các quận nội thành người dân tại quận Đống Đa được đánh giá là có mức độ nhận thức tốt cao nhất chiếm đến 65 %, đặc biệt ở khu vực ngoại thành lại có nhận thức khá tốt khi

có tỷ lệ nhận thức cao chiếm 54 %. Theo thống kê trong số người tham gia khảo sát tại quận Đống Đa chủ yếu là nhóm người trong độ tuổi lao động và là công chức, viên chức do vậy mức độ học thức và tiếp cận với internet của các nhóm đối tượng này được đánh giá tương đối cao (Hình 6).

Đánh giá nhận thức theo độ tuổi:

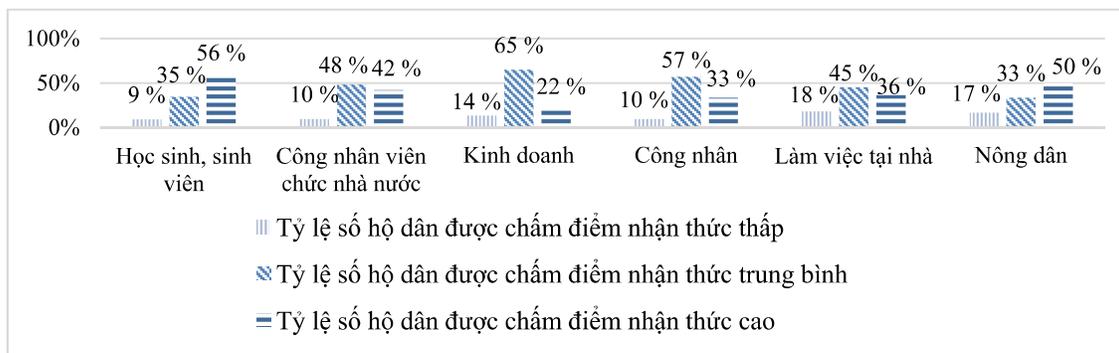


Hình 7: Biểu đồ đánh giá nhận thức người dân đã tham gia khảo sát theo độ tuổi

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm đối tượng có nhận thức tốt chiếm tỷ lệ cao tập trung vào đối tượng có độ tuổi dưới 18, tiếp theo là độ tuổi 18 - 24. Do đặc điểm của đối tượng phỏng vấn < 18 tuổi chỉ chiếm 4 % do vậy nhóm tác giả đánh giá đối tượng từ 18 - 24 tuổi có tỷ lệ nhận thức tốt khá cao. Đây là nhóm đối tượng

trong độ tuổi đi học và đi làm, được tiếp cận nhiều với các chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường, các thông tin cũng như sử dụng thành thạo mạng internet nên việc cập nhật các thông tin trở nên dễ dàng và nhanh chóng điều đó làm nâng cao nhận thức của nhóm đối tượng này.

Đánh giá nhận thức theo ngành nghề:



Hình 8: Mức độ nhận thức của người dân theo ngành nghề

Kết quả điều tra cho thấy nhóm đối tượng học sinh, sinh viên là nhóm có tỷ lệ nhận thức tốt cao nhất. Nhóm đối tượng kinh doanh là nhóm có tỷ lệ nhận thức thấp nhất, tiếp theo đó là nhóm công nhân với lần lượt có tỷ lệ nhận thức trung bình 65% và 57% (Hình 8). Điều này cho thấy 2 nhóm đối tượng này có lượng phát thải cao nhưng chưa có nhận thức tốt về bảo vệ môi trường cũng như là rác thải túi nilon. Nhóm đối tượng này cần được quan tâm nhiều hơn với các phương tiện quản lý, truyền thông chặt chẽ hơn.

Ngoài ra để thấy rõ hơn mối tương quan giữa các yếu tố với mức độ nhận thức của người dân, tác giả đã sử dụng công cụ Regression trong phần mềm Excel để xử lý số liệu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nhận thức, trong đó biến độc lập gồm có độ tuổi, công việc hiện tại, trình độ học vấn, thu nhập. Sau khi chạy mô hình tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc là mức độ nhận thức của người dân, thì kết quả mô hình tương quan hồi quy với $R^2 = 34,3\%$ được lựa chọn phân tích tương quan với các biến tại bảng Coefficientsa. Kết quả chạy mô hình hồi quy được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả hồi quy biến phụ thuộc “mức độ nhận thức” đối với các hộ dân

	Coefficients	Standard Error	t Stat	P-value	Lower 95 %	Upper 95 %	Lower 95 %	Upper 95 %
Intercept	83.32949276	6.98556207	11.92882	6.05676E-24	69.53499306	97.12399245	69.53499	97.12399245
Độ tuổi	-10.75882424	2.744769868	-3.91975	0.07130538	-16.17896463	-5.338683857	-16.179	-5.338683857
Công việc hiện tại	1.312668419	1.203849573	1.090392	0.087159534	-1.064592338	3.689929175	-1.06459	3.689929175
Trình độ học vấn	4.109657878	1.761551902	1.332976	0.001087868	0.631093529	7.588222226	0.631094	7.588222226
Thu nhập cá nhân	-1.431322519	1.874737076	-0.76348	0.009288181	-5.133395416	2.270750379	-5.1334	2.270750379

Theo kết quả P - Value: Biến trình độ học vấn và thu nhập cá nhân có P - Value nhỏ hơn 0,05 do vậy có quan hệ chặt chẽ với biến phụ thuộc. Trong số các biến độc lập, trình độ học vấn là yếu tố tác động nhiều nhất đến mức độ nhận thức của người dân. Các yếu

tố tiếp theo ảnh hưởng đến mức độ nhận thức lần lượt là thu nhập cá nhân, độ tuổi và công việc hiện tại. Kết quả tương quan trên sẽ là cơ sở đề xuất giải pháp phù hợp trong việc nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng túi nilon

Nghiên cứu

3.2.2. Đánh giá điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức trong việc giảm phát thải túi nilon

Bảng 3. Điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức trong việc giảm phát thải túi nilon

Điểm mạnh - S	Điểm yếu - W	Cơ hội - O	Thách thức - T
<ul style="list-style-type: none">- Thành phố Hà Nội đã có kế hoạch phòng, chống rác thải nhựa và túi nilông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025- Đã có nhiều các biện pháp tuyên truyền, giảm thiểu sử dụng túi nilon- Đã có quy định tính phí bảo vệ môi trường đối với túi nilon	<ul style="list-style-type: none">- Việc sử dụng túi nilon đã trở thành thói quen khó từ bỏ của người dân- Chưa có sản phẩm thay thế phù hợp- Công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả- Việc áp dụng tính phí bảo vệ môi trường với túi nilon tuy đã có nhưng mang lại hiệu quả cao	<ul style="list-style-type: none">- Đã có quy định về phân loại CTRSH tại hộ gia đình, lộ trình thực hiện đến năm 2024 đây là tiền đề để giảm thiểu việc phát thải túi nilon nói riêng và CTRSH nói chung- Một bộ phận người dân đã có hiểu biết về tác hại của túi nilon và thực hiện hành động giảm thiểu phát thải.- Tính phí khi sử dụng túi nilon	<ul style="list-style-type: none">- Nâng cao ý thức và thay đổi thói quen của người dân trong việc sử dụng túi nilon- Tạo ra sản phẩm thay thế hoặc phân định rõ các loại túi nilon phân hủy sinh học

Điểm mạnh:

Hiện nay, thành phố Hà Nội đã có nhiều các biện pháp tuyên truyền, giảm thiểu sử dụng túi nilon, cụ thể như: “Hạn chế sử dụng túi nilon vì Môi trường ở thành phố Hà Nội”, Chương trình “Hạn chế sử dụng túi nilon vì môi trường tại Hà Nội”, Chương trình “ Hà Nội - ngày Chủ Nhật không túi nilon”,... đây được coi là những nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc đã đưa ra nhiều các biện pháp tuyên truyền, giảm thiểu sử dụng túi nilon trên địa bàn thành phố.

Bên cạnh đó, Hà Nội cũng đã có kế hoạch phòng, chống rác thải nhựa và túi nilon đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đây là căn cứ quan trọng trong việc giảm phát thải túi nilon trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã có quy định cụ thể liên quan đến rác thải nhựa, việc tính phí bảo vệ môi trường đối với túi nilon đã được thực hiện đối với các loại túi nhựa mỏng được làm từ màng nhựa đơn HDPE (high density polyethylene resin), LDPE (Low density polyethylen) hoặc LLDPE (Linear low density polyethylen resin).

Điểm yếu:

- Việc sử dụng túi nilon đã trở thành thói quen khó từ bỏ của người dân: Theo kết quả khảo sát, người dân đã biết đến tác hại của việc lạm dụng túi nilông, nhưng sự tiện lợi trong việc sử dụng đã làm cho túi nilông trở nên quá phổ biến và rất khó từ bỏ thói quen này.

- Hiện nay, đã có nhiều biện pháp được đưa ra nhằm khuyến khích người dân hạn chế sử dụng túi nilon như sử dụng túi phân hủy sinh học, túi giấy, túi vải,... Tuy nhiên, giá thành của các loại sản phẩm này khá cao so với túi nilon thông thường. Vì vậy, nếu không có bất kỳ một sản phẩm nào thay thế nào có giá thành tương đương thì việc vận động người dân loại bỏ túi nilon trong hoạt động sinh hoạt thường ngày là một điều không dễ dàng.

- Công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả: Mặc dù công tác truyền thông diễn ra trên địa bàn thành phố khá thường xuyên nhưng hoạt động truyền thông chưa đạt hiệu quả cao.

Cơ hội:

- Đã có quy định về phân loại CTRSH tại hộ gia đình, lộ trình thực hiện đến năm 2024 đây là tiền đề để giảm thiểu việc phát thải túi nilon nói riêng và CTRSH nói chung.

- Một bộ phận nhỏ người dân đã có hiểu biết về tác hại của túi nilon và thực hiện hành động giảm thiểu phát thải. Theo kết quả nghiên cứu, có tới 61,68 % người dân đã có hành động để giảm thiểu phát thải túi nilon như hạn chế sử dụng túi nilon, thay vào đó là mang giỏ nhựa, giỏ tre đi chợ, tái sử dụng túi nilon, dùng túi giấy hoặc túi tự phân hủy sinh học,...

- Tính phí khi sử dụng túi nilon: Theo kết quả khảo cứu thu được, có 62,78 % người dân đồng ý chấp nhận tính phí khi sử dụng túi nilon và 37,13 % người dân không chấp nhận tính phí khi sử dụng túi nilon. Mức sẵn lòng chi trả của người dân cho túi nilon là nhỏ hơn 1.000 đồng/chiếc chiếm 40,72 % từ 1.000 - 5.000/chiếc chiếm 24,55 %, 5.000 - 10.000/chiếc

chiếm 2,40 %, lớn hơn 10.000/chiếc chiếm 2,40 % và không chi trả chiếm 7,19 %. Với tỷ lệ trên có thể thấy việc tính phí khi sử dụng túi nilon là khả thi trong thời gian tới.

Thách thức:

- Nâng cao ý thức và thay đổi thói quen của người dân trong việc sử dụng túi nilon: Hiện nay, thói quen sử dụng túi nilon của người dân đã được hình thành, đi sâu vào đời sống xã hội, nên để nâng cao ý thức và thay đổi thói quen của người dân cần có thời gian và lộ trình thực hiện. Việc thay đổi thói quen đòi hỏi người dân phải có nhận thức đúng đắn về vấn đề, ngoài ra người dân phải chấp nhận vấn đề cuối cùng phải thay đổi và duy trì hành động của mình. Người dân cần hiểu được tác hại của việc sử dụng túi nilon đến chính sức khỏe của gia đình và đến môi trường sống xung quanh khi đó thói quen trong sinh hoạt sẽ dần được thay đổi.

- Tạo ra sản phẩm thay thế hoặc phân định rõ các loại túi nilon phân hủy sinh học: Việc kêu gọi người dân thay thế túi nilon bằng túi vải hoặc túi giấy cần có những tính toán rõ ràng để đánh giá được toàn diện mức độ tác động đến môi trường của các sản phẩm trên. Ngoài ra trên thị trường hiện nay có rất nhiều loại túi nilon dễ phân hủy, thân thiện với môi trường không chính thống, không rõ nguồn gốc và không phải túi nilon nào cũng là túi được sản xuất từ nguyên liệu sinh học và dễ phân hủy do vậy cần phân định rõ các loại túi nilon trên thị trường hiện nay.

3.3. Đề xuất giải pháp hạn chế sử dụng túi nilon trong hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình

Để giảm thiểu lượng túi nilon phát thải từ hoạt động sinh hoạt của người dân

Nghiên cứu

nghiên cứu tập trung vào 2 nhóm giải pháp chính cụ thể như sau:

3.3.1. Giải pháp áp dụng cơ chế, chính sách pháp luật

Các quy định pháp luật hiện nay đã được ban hành tuy nhiên thành phố Hà Nội cần cập nhật các kế hoạch cụ thể trong lộ trình giảm thải chất thải nhựa và phân loại rác tại nguồn theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Bên cạnh đó cần triển khai kế hoạch đến toàn bộ các Quận huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố.

Thành phố Hà Nội cần bổ sung các quy định khuyến khích đầu tư, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất sản phẩm bao bì, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi nilon khó phân hủy. Cùng với đó là nghiên cứu xây dựng, ban hành các quy định về sản phẩm bao bì thân thiện với môi trường, tính phí sử dụng áp dụng thử nghiệm tại 1 số chuỗi đơn vị bán lẻ như tại các siêu thị vừa và nhỏ như Winmart, Coop food,... với mức tính phí lớn hơn 1,000 đồng/ túi nilon.

Ngoài ra thành phố cần siết chặt việc quản lý thu thuế bảo vệ môi trường đối với mặt hàng túi nilon, tránh việc buôn bán và sử dụng túi nilon trôi nổi trên thị trường hiện nay.

Thành phố cần bổ sung thêm các quy định về việc hạn chế sử dụng túi nilon tại các chợ dân sinh, các cửa hàng, quầy hàng bán lẻ, khuyến khích các cơ sở kinh doanh ký cam kết giảm thải số lượng túi nilon và ưu tiên sử dụng các loại túi thân thiện với môi trường.

3.3.2. Giải pháp truyền thông

Truyền thông là một trong số các giải pháp đã được thực hiện nhưng hiệu quả

của công tác truyền thông hiện nay chưa cao, do vậy cần có sự điều chỉnh trong công tác truyền thông tại thành phố Hà Nội hiện nay cụ thể như sau:

- Đối với các hộ kinh doanh cần có những biện pháp tuyên truyền đến từ các đội, nhóm, đoàn thể như tổ dân phố, đoàn thanh niên, ban quản lý chợ để các đối tượng này hiểu và nâng cao nhận thức cũng như thay đổi thói quen sử dụng túi nilon trong hoạt động kinh doanh buôn bán.

- Tại các quận trung tâm như Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông đây là trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của thành phố nên việc phát triển liên minh siêu thị với mục đích thiết lập kênh truyền thông, giao tiếp với khách hàng mọi lứa tuổi và khuyến khích khách hàng mang túi vải hay hộp đựng cá nhân là việc vô cùng cần thiết, phát triển các liên minh siêu thị tại đây sẽ mang tính thực thi cao, được hưởng ứng và đồng thời cũng sẽ trở thành xu hướng cho cả thành phố.

- Tại các huyện ngoại thành, thường xuyên tổ chức chiến dịch truyền thông quy mô nhỏ: Phát động các chiến dịch truyền thông môi trường ở các khu chợ, trường học tại huyện Đan Phượng, Hoài Đức. Đối tượng được hướng đến chủ yếu là người trung niên, công nhân, học sinh.

- Ngoài ra, cũng có thể tuyên truyền thông qua giáo dục trên địa bàn thành phố bằng cách đưa nội dung tuyên truyền giảm sử dụng túi nilon vào nội dung các hoạt động ngoại khóa ở các cấp học. Bên cạnh đó cần tuyên truyền cho người dân để từ đó nâng cao nhận thức và thay đổi thói quen của người dân.

- Cần có đánh giá kết quả của các chương trình truyền thông để từ đó rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả và thay đổi phương thức truyền thông phù hợp với thực tế.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra được nguồn phát sinh túi nilon và lượng phát sinh tại 4 Quận nội thành và 2 huyện ngoại thành của thành phố Hà Nội. Lượng phát thải cao tập trung tại Quận Thanh Xuân và Hà Đông. Lượng túi nilon phát sinh cao tập trung tại các hộ gia đình kinh doanh, các gia đình có mức thu nhập cao, lượng túi phát sinh nhiều hơn vào các ngày cuối tuần, lễ tết.

Nhận thức của người dân 2 quận có lượng phát thải cao là Thanh Xuân và Hà Đông vẫn còn ở mức trung bình. Trong số các quận nội thành người dân tại quận Đống Đa được đánh giá là có mức độ nhận thức tốt cao nhất chiếm đến 65 %, đối tượng học sinh và người trong độ tuổi từ 18 - 24 có nhận thức cao về ảnh hưởng của túi nilon đến môi trường.

Đa số người dân vẫn ưa chuộng sử dụng túi nilon vì giá thành rẻ lại tiện lợi. Mặc dù các sản phẩm túi thay thế đã được người tiêu dùng biết đến nhưng giá thành cao nên ít người lựa chọn sử dụng. Từ kết quả thu được cho thấy lí do chủ yếu khiến người dân không lựa chọn sử dụng các sản phẩm thay thế là do thói quen tiêu dùng, chỉ 39,2 % là do giá thành của sản phẩm thay thế.

Nghiên cứu đã đánh giá được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc giảm phát thải túi nilon tại thành phố Hà Nội đồng thời đưa ra được một số biện pháp tập trung vào tuyên

truyền, giáo dục mang tính thực thi cao và bổ sung quy định, triển khai áp dụng triệt để đối với các cơ chế chính sách pháp luật hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2019). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019, chuyên đề quản chất thải rắn sinh hoạt*.

[2]. Phạm Thanh Nhân, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Lê Đắc Trường (2021). *Quản lý và nhận thức của người dân về chất thải nhôm, nhựa trong sinh hoạt hộ gia đình tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2021: 190 - 198.

[3]. Tạ Việt Phương (2019). *Báo cáo ngành nhựa tháng 8/2019*.

[4]. Glover T (2003). *Developing operational definitions and measuring interobserver reliability using house crickets (Acheta domesticus)*. In exploring animal behavior in laboratory and field, ed. B. J. Ploger and K. Yasukawa, 31 - 40, San Diego. Academic Press.

[5]. Niên giám thống kê thành phố Hà Nội năm 2020.

[6]. WWF (2022). *Nghiên cứu khảo sát hiện trạng chất thải nhựa tại Việt Nam*.

BBT nhận bài: 07/9/2022; Phản biện xong: 24/10/2022; Chấp nhận đăng: 12/12/2022